

Cẩm Giàng, ngày 06 tháng 9 năm 2024

Số: 02/2024/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Tố Uyên.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2024/QĐST-VDS ngày 30 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T - Chủ tịch UBND xã Đ. Địa chỉ: Xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T1 - cán bộ tư pháp

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Vũ Thị H, sinh năm 1974 và ông Trần Văn P, sinh năm 1968; Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên họp, các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

\* Theo đơn yêu cầu giải quyết và quá trình giải quyết vụ việc, đại diện UBND xã Đ trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Đ và đề nghị của công dân; Ủy ban nhân dân xã Đ phát hiện trường hợp ông Trần Văn P, sinh năm 1968 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1974, đăng ký hộ khẩu và cư trú tại thôn L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01, số 14 ngày 03/4/1991 là trái pháp luật.

Cụ thể, căn cứ theo các giấy tờ, tài liệu gồm: Căn cước công dân, giấy khai sinh, xác nhận thông tin về cư trú và một số giấy tờ tùy thân khác của 2 ông bà, xác định bà Vũ Thị H, sinh năm 1974 và ông Trần Văn P, sinh năm 1968. Thời điểm ngày 03/4/1991 bà Vũ Thị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, N từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”. Khi đến đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, ông Trần Văn P, bà Vũ Thị H do hiểu biết pháp luật hạn chế đã thống nhất tự khai tăng tuổi của bà Vũ Thị H từ năm 1974 thành năm 1973 để đủ tuổi kết hôn, đồng thời việc kiểm tra giấy tờ tùy thân thời điểm đó chưa chặt chẽ, cán bộ chuyên môn phụ trách tư pháp hộ tịch trình lên Chủ tịch UBND xã ký xác nhận nên UBND xã Đ đã đăng ký kết hôn cho ông bà vào ngày 03/4/1991 và ghi trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện bà Vũ Thị H, sinh năm 1973. Như vậy UBND xã Đ đăng ký kết hôn cho ông Trần Văn P, bà Vũ Thị H khi bà Vũ Thị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn là trái pháp luật, vi phạm Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986.

Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật đã gây ra cho ông Trần Văn P, bà Vũ Thị H nhiều vấn đề khó khăn trong quá trình sinh sống và ảnh hưởng thủ tục hành chính các giấy tờ liên quan không khớp với nhau. Hiện tại ông bà vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vì vậy, UBND xã Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H, đồng thời nếu ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì cũng đề nghị Tòa án tạo điều kiện công nhận quan hệ hôn nhân cho ông bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H trình bày: Ông bà được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/4/1991. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà Vũ Thị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 quy định điều kiện “*Nam từ 20 tuổi trở lên, N từ 18 tuổi trở lên*”. Khi đến UBND xã Đ làm thủ tục đăng ký kết hôn, do thiếu hiểu biết pháp luật và xuất phát từ nguyện vọng được kết hôn chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nên ông bà đều thống nhất tự khai tăng tuổi của bà Vũ Thị H, sinh năm 1974 thành sinh năm 1973, để có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn và cũng vì nguyện vọng mong muốn của gia đình hai bên để có thể đăng ký kết hôn được hợp pháp nên vợ chồng ông bà mới khai báo với cán bộ tư pháp hộ tịch đăng ký kết hôn của UBND xã Đ như vậy. Đến nay, ông bà xác định việc đăng ký kết hôn như trên là chưa đúng quy định pháp luật pháp luật. Hiện UBND xã Đ kiểm tra rà soát sổ sách đồng thời theo đề nghị của ông bà nên đã phát hiện việc kết hôn của bà Vũ Thị H là chưa đủ tuổi và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm

Giàng hủy kết hôn trái pháp luật đối với ông bà, ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì. Kể từ thời điểm đăng ký kết hôn cho đến nay, ông bà có cuộc sống chung hạnh phúc, không mâu thuẫn gì. Vì vậy, vợ chồng ông bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông bà kể từ thời điểm vợ chồng đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình xác minh tại UBND xã Đ cung cấp: Thời điểm năm 1990, lúc đó ông Nguyễn Việt T2 giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương, cán bộ tư pháp hộ tịch là bà Nguyễn Thị V. Tại sổ sách liên quan đến việc đăng ký kết hôn vào năm 1991 được lưu trữ tại UBND xã Đ thì thấy: Theo Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01, số 14 ngày 03/4/1991 thể hiện bà Vũ Thị H, sinh năm 1973 và ông Trần Văn P, sinh năm 1968 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. UBND xã Đ xác định: ngày 03/4/1991, bà Vũ Thị H tiến hành đăng ký kết hôn với ông Trần Văn P, khi đó bà Vũ Thị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986: *“Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”*.

Khi đến đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, ông Trần Văn P, bà Vũ Thị H đã thống nhất tự khai tăng tuổi, đồng thời việc kiểm tra giấy tờ tùy thân thời điểm đó chưa chặt chẽ, kỹ lưỡng, sau đó cán bộ chuyên môn phụ Phách tư pháp hộ tịch trình lên Chủ tịch UBND xã ký xác nhận nên UBND xã Đ đã đăng ký kết hôn cho ông Trần Văn P, bà Vũ Thị H vào ngày 03/4/1991 và ghi trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện bà Vũ Thị H, sinh năm 1973.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng áp dụng: Áp dụng khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận đơn yêu cầu của UBND xã Đ, C, tỉnh Hải Dương.

- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị H, sinh ngày 01/7/1974 và ông Trần Văn P, sinh ngày 30/6/1968, tại thời điểm ông bà đủ điều kiện kết hôn là ngày 01/7/1992.

- Về lệ phí: UBND xã Đ, C, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí theo quy định.

Ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H hiện cư trú tại thôn L, xã Đ; có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. UBND xã Đ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với ông bà, đồng thời Ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý vụ việc là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Người yêu cầu là UBND xã Đ; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H vắng mặt và đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp; căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung yêu cầu: Căn cứ theo các giấy tờ, tài liệu chính gồm: Căn cước công dân, giấy khai sinh, xác nhận thông tin cư trú và một số giấy tờ tùy thân khác của bà Vũ Thị H, xác định bà Vũ Thị H, sinh ngày 01/7/1974, thời điểm kết hôn ngày 03/4/1991 giữa ông Trần Văn P, bà Vũ Thị H thì bà Vũ Thị H, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986: "*Nam từ 20 tuổi trở lên, N từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*". Việc ông Trần Văn P, bà Vũ Thị H khai không đúng tuổi để có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn, xuất phát từ nguyện vọng kết duyên vợ chồng, về chung một nhà xây dựng tổ ấm. Bên cạnh đó, do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch công dân nên cán bộ UBND xã đăng ký kết hôn thời điểm đó đã tiến hành đăng ký kết hôn cho ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H, thể hiện Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01, số 14 ngày 03/4/1991; đã vi phạm vào Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 và là kết hôn trái pháp luật. Do vậy UBND xã Đ yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H có cuộc sống chung hạnh phúc, không mâu thuẫn gì và đều thống nhất đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho ông bà kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Do đó, không cần thiết hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H kể từ thời điểm ông bà đủ điều kiện kết hôn là ngày **01/7/1991**.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Ông Trần Văn P, bà Vũ Thị H có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 149, 367, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H.

Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị H, sinh ngày 01/7/1973 và ông Trần Văn P, sinh ngày 30/6/1968; ĐKKHKT và nơi cư trú đều ở: thôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn (*Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 1991*).

3. Về lệ phí:

- UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án do ông bà đã nộp theo biên lai Ký hiệu BLTU/23 số 0007207 ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

4. Quyền kháng cáo: UBND xã Đ; ông Trần Văn P và bà Vũ Thị H có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Đức Chính;
- Chi Cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP  
(Đã ký)

**Trương Thị Tố Uyên**